

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/HS-ST
Ngày 24-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Mai Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Ông Phạm Viết Thắng.

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Thu Thuỷ –Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Lộc Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2022/HSST ngày 06 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Bùi Đình Đ –Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1987, tại huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H (đã chết) và con bà Vũ Thị V, sinh năm 1965; có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2014; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 29-11-2018 bị Toà án nhân dân quận H, thành phố H xử phạt 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Bản án số 233/2018/HSST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/3/2020; Nhân thân: Ngày 12/3/2010 bị Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “ Trộm cắp tài sản” (Bản án số 15/2010/HSST). Đã được xóa án tích; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17- 02 -2022. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên toà.

Bị hại: Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1987 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 8, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Phạm Thị T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn 8, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Anh Lê Mạnh T, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đại Lộc, xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện đang thi hành án phạt tù tại Trại giam Vĩnh Quang – V10 – Bộ Công an.

Người làm chứng:

- Anh Lý Văn Sơn, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Th, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bà Phạm Thị T, sinh năm 1965. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng đầu tháng 10/2020, bị cáo Bùi Đình Đ quen biết chị Bùi Thị Th qua mạng xã hội Facebook, bị cáo tự giới thiệu tên là T, sinh năm 1987, quê ở Bắc Ninh, làm nghề lái xe ở công ty “Thái Nguyên” có địa chỉ tại Hà Nội. Sau khi nhắn tin nói chuyện với nhau qua ứng dụng Facebook nhiều lần thì bị cáo biết được chị Bùi Thị Th đã ly hôn chồng, bị cáo đã nảy sinh ý định lừa dối chị Bùi Thị Th nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, nên đã hẹn gặp chị Bùi Thị Th tại thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái vào chiều ngày 26/10/2020. Khi gặp nhau, bị cáo và chị Bùi Thị Th đã cùng đi chơi, ăn uống và thuê phòng tại nhà nghỉ Quang Tùng, thuộc thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Yên Bái. Đến sáng ngày 27/10/2020, bị cáo thấy chị Bùi Thị Th đang sử dụng 01 chiếc xe mô tô đã cũ nên bị cáo đã nói với chị Bùi Thị Th mượn một chiếc xe mô tô còn tốt cùng giấy tờ xe để đi lại đảm bảo an toàn. Vào khoảng 18h cùng ngày, chị Bùi Thị Th đã đến nhà em gái họ là chị Phạm Thị T mượn 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE màu trắng đỏ, biển kiểm soát 21B1-173.25 cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Phạm Thị T. Sau khi mượn được xe, chị Bùi Thị Th điều khiển xe đến nhà nghỉ Quang Tùng để chờ bị cáo đi ăn tối. Đến khoảng 19 giờ 40 phút cùng ngày, sau khi ăn tối xong chị Bùi Thị Th và bị cáo đi đến cổng nhà nghỉ Quang Tùng thì bị cáo bảo chị Bùi Thị Th vào nhà nghỉ Quang Tùng đợi bị cáo ở đó còn bị cáo mượn xe mô tô của chị Bùi Thị Th đang điều khiển đi một mình đến thành phố Y với lý do là lấy tiền do bạn trả nợ. Sau khi được chị Bùi Thị Th giao xe mô tô và đăng ký xe mô tô, bị cáo điều khiển xe mô tô đi thẳng về tỉnh Vĩnh Phúc và cắt đứt liên lạc với chị Bùi Thị Th. Chiều ngày 28/10/2020, bị cáo đã bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 21B1-173.25 cho anh Lê Mạnh T với giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Số tiền bán xe được bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại Kết luận về việc định giá tài sản số 22/KL-HĐĐG ngày 08/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện T đã kết luận: “*Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE, biển kiểm soát 21B1-173.25, mua từ năm 2013 với giá 43.000.000 đồng. Tại thời điểm tài sản bị chiếm đoạt, tài sản đã sử dụng được 8 năm, đã hao mòn 80% bằng 34.400.000 đồng (Ba mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng), giá trị còn lại của tài sản là 20% bằng 8.600.000 đồng (Tám triệu sáu trăm nghìn đồng)*”.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKSTY ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Bùi Đình Đ về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, thừa nhận toàn bộ các hành vi phạm tội của bản thân như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái là đúng.

Bị hại chị Bùi Thị Th không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bùi Đình Đ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Bùi Đình Đ từ 01 (năm) 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 357, 468, 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Mạnh T là 10.000.000 đồng.

Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết là mình đã vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội, biên bản nhận dạng, kết luận định giá và các tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Ngày 27/10/2020 tại thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Yên Bái bị cáo Bùi Đình Đ đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE màu trắng đỏ, biển kiểm soát 21B1-173.25 trị giá 8.600.000 đồng (*Tám triệu sáu trăm nghìn đồng*) của chị Bùi Thị Th. Xét bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài

sản” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống cộng đồng. Động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo là vụ lợi cá nhân. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo phải được xét xử nghiêm minh.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng chưa được xóa án tích nay lại phạm tội, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu đã nhiều lần bị xét xử hình sự về các tội danh khác nhau nhưng bị cáo không nhận thức được đây là bài học cho bản thân mà thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp, thu nhập. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Các đối tượng khác:

Đối với anh Lê Mạnh T là người mua của bị cáo chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE màu trắng đỏ, biển kiểm soát 21B1-173.25 mà bị cáo chiếm đoạt được của chị Bùi Thị Th, nhưng anh Lê Mạnh T không biết là tài sản do bị cáo chiếm đoạt mà có. Vì vậy, không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Lê Mạnh T là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại chị Bùi Thị Th không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Chị Phạm Thị T là chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE màu trắng đỏ, biển kiểm soát 21B1-173.25. Xác nhận đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với yêu cầu của anh Lê Mạnh T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Xét thấy, anh Lê Mạnh T không biết được chiếc xe mô tô là do bị cáo chiếm đoạt được mà có, lỗi hoàn toàn là do bị cáo nên yêu cầu của anh Lê Mạnh T buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) được chấp nhận.

[8] Về vật chứng: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE màu trắng đỏ, biển kiểm soát 21B1-173.25 đã trả cho chị Phạm Thị T là chủ sở hữu hợp pháp.

[9] Về án phí: Bị cáo chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Đình Đ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".
2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Đình Đ 02 (năm) tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 17-02-2022.
3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Lê Mạnh T số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).
- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Lê Mạnh T có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo không trả hết số tiền kể trên, thì hàng tháng bị cáo còn phải trả thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.
4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, 3 Điều 21, điểm a, d khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Bùi Đình Đ phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo phải chịu là 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*).
5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo; bị hại, NLQ;
- THA hình sự (2);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Mai Hằng